

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 5, 147, 157, 165, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 105, 115, 280, khoản 1 Điều 351, các điều 353, 357, 609, 611, 612, 613, 620, khoản 1 Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27, điểm g khoản 1 Điều 28, các điều 31 và 37 của Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự số: 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008 (được sửa đổi, bổ sung các năm 2014, 2018, 2020 và 2022) của Quốc hội;

Căn cứ vào Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q quy định về điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 168/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2023, sửa đổi bổ sung ngày 03/7/2023 và 20/10/2023, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của 02 cụ: C - Đỗ Thị H đối với 02 thửa đất: (1) thửa số 14, tờ bản đồ số 80, tại địa chỉ: tổ F, khu D, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và (2) thửa số 43, tờ bản đồ số 66, tại địa chỉ: tổ C, khu D, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 04/9/2024, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện phân chia di sản thừa kế đối với: (1) diện tích 8,2m² trong tổng số 609,61m² thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 66 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà 02 cụ G1, H đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn H1, bà Huỳnh Thị Bích N là hộ gia đình liên kế và (2) thửa đất số 14, tờ bản đồ số 80 hiện ông Cao Kim H2 đang sử dụng nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, được các đương sự khác đồng ý và

không có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét phần yêu cầu mà đương sự đã rút và ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về những vấn đề còn lại đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án theo hướng dẫn tại mục 10 Phần IV Công văn số 163/TANDTC-PC ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân tối cao.

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Cao Thị T; sinh năm 1967; nơi thường trú: tổ E, khu D, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo uỷ quyền: bà Đinh Thị Thu H3; sinh năm 1996; địa chỉ: tổ A, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

- *Bị đơn:* ông Cao Kim H2; sinh năm 1965; địa chỉ: tổ F, khu D, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1) Ông Cao Thế L; sinh năm 1980; địa chỉ: khu D, phường V, TP ., tỉnh Quảng Ninh;

2) Bà Vũ Thị V; sinh năm 1955; địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên;

3) Ông Phạm Văn H1; sinh năm 1968; địa chỉ: tổ C, khu D, phường V, TP ., tỉnh Quảng Ninh;

4) Bà Huỳnh Thị Bích N; sinh năm 1968; địa chỉ: tổ C, khu D, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

5) Anh Cao Xuân H4; sinh năm 1993; địa chỉ: tổ F, khu D, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

6) Chị Nguyễn Thị Thúy H5, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ F, khu D, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

7) Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: số C B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nông Vũ T1, chức vụ: Phó Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố H. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố H: ông Lưu Văn H6, chức vụ: viên chức, Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố H;

8) Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: tổ B, khu G, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Ngô Văn B, chức vụ: công chức Địa chính - Xây dựng, Ủy ban nhân dân

phường V;

9) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H; địa chỉ: số A, phố N, phường Hồng G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đoàn Ngọc D, chức vụ: viên chức, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1) Phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích đất 601,41m² còn lại thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 66, tại địa chỉ: tổ C, khu H, xã V (nay là tổ C, khu D, phường V), thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ446548 ngày 18 tháng 10 năm 2004 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho 02 cụ: Cao Khắc G1 và Đỗ Thị H thành 03 (ba) phần bằng nhau cho 03 (ba) con đẻ của 02 cụ G1, H. Cụ thể như sau:

- Bà Cao Thị T được quyền sử dụng diện tích 200,47m² đất được giới hạn bởi các điểm (5,23,7,8,9,10,11,12,27,26,5), có tứ cận: phía Bắc giáp thửa số 48 của ông C bà X và thửa số 49 của ông H1 bà N; phía Tây giáp thửa số 42 của ông C1 bà T2; phía Nam giáp phần diện tích đất phân chia cho ông L; phía Đông giáp ngõ đi chung bằng bê tông;

- Ông Cao Thế L được quyền sử dụng diện tích 200,47m² đất được giới hạn bởi các điểm (3,4,26,27,13,14,28,3), có tứ cận: phía Bắc giáp phần diện tích đất phân chia cho bà T; phía Tây giáp thửa số 42 của ông C1 bà T2 và thửa số 39 của ông T3 bà T4; phía Nam giáp phần diện tích đất phân chia cho ông H2; phía Đông giáp ngõ đi chung bằng bê tông;

- Ông Cao Kim H2 được quyền sử dụng diện tích 200,47m² đất được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,28,15,16,17,18,19,20,1), có tứ cận: phía Bắc giáp phần diện tích đất phân chia cho ông L; phía Tây giáp thửa số 39 của ông T3 bà T4; phía Nam giáp thửa số 38 của ông C bà X; phía Đông giáp ngõ đi chung bằng bê tông.

Toàn bộ vị trí, diện tích, kích thước tọa độ, ranh giới quyền sử dụng đất và tài sản trên đất sau khi được phân chia nêu trên theo Bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất kèm theo Quyết định này và đây là bộ phận không tách rời của Quyết định này.

2) Các đương sự đều thống nhất: ai được phân chia quyền sử dụng diện tích đất tại vị trí nào thì có quyền sở hữu tài sản gắn liền trên diện tích đất đó, không tranh chấp với ai khác và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản trên đất.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho mình theo đúng quy định của pháp luật.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho đương sự khi đương sự có yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật.

3) Về án phí:

- Bà Cao Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.943.058đ (hai triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm năm mươi tám đồng; làm tròn số), nhưng được trừ vào số tiền 3.125.000đ (ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000159 ngày 05 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; bà Cao Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 181.942đ (một trăm tám mươi một nghìn đồng).

- Ông Cao Kim H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.943.058đ (hai triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm năm mươi tám đồng; làm tròn số).

- Ông Cao Thế L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.943.058đ (hai triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm năm mươi tám đồng; làm tròn số).

4) Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: những người được hưởng di sản thừa kế thống nhất phân chia nghĩa vụ bằng nhau. Bà Cao Thị T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng và đã được thanh, quyết toán với số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ông Cao Kim H2 và ông Cao Thế L mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền 6.666.667đ (sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hạ Long;
- THADS TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm